

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2022/HS-ST
Ngày: 22-11-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga, bà Lê Thị Hoàng Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 22 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 193/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2022/QĐXXST-HS ngày 27/10/2022 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Đ**; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1965 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 5, xã Th, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Kê số 13 đường Ng, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm hồ; Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Phan Thị T (đã chết); Bị cáo có chồng (không rõ) và có 02 người con (sinh năm 1981 và năm 1982).

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2020 cho đến nay (có mặt).

2/ Họ và tên: **Lê Thanh T** (Tên gọi khác: Th); Giới tính: Nam; Sinh năm 1983 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: 1457 đường Ng, ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Con ông Lê Văn Ch (đã chết) và bà Hồ Thị Ch; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thuý Tr (không đăng ký kết hôn) và có 02 người con (sinh năm 2007 và 2011).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

* **Bị hại:** Ông Trần Hoàng Nh, sinh năm: 1972; Nơi thường trú: 1457 G14/3I ấp 7, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1981; Nơi cư trú: 1457 đường Ng, ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Ông Danh Nh, sinh năm 1949; Nơi cư trú: 48/20A đường T, Phường M, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3/ Ông Trần Văn L; Nơi cư trú; ấp Th, xã Tr, huyện C, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Hoàng Nhiên và Nguyễn Thị Đ có mối quan hệ quen biết. Khoảng 09 giờ ngày 22/12/2019, Nguyễn Thị Đ đi công việc với bạn là ông Lê Hồng M thì nhìn thấy ông Trần Hoàng Nh đang điều khiển xe mô tô biển số 52M5-4944 dừng chờ đèn đỏ tại ngã tư đường Kinh Dương Vương với đường Hồ Học Lãm thuộc phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Đ bước xuống xe, đi đến gặp ông Nh đòi số tiền 2.100.000 đồng mà trước đây ông Nh đã mượn của Đ. Sau đó, cả hai dắt xe lên lề đường tiếp tục nói chuyện, do ông Nh không có tiền để trả nên Đ lấy 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia của ông Nh rồi tiếp tục yêu cầu giữ xe mô tô của ông Nh nhưng ông Nh không đồng ý vì cho rằng mình không nợ tiền của Đ. Do bận đi công việc nên Đ điện thoại cho con gái là Nguyễn Thị Thùy Tr đến để giữ xe mô tô của ông Nh. Khoảng 30 phút sau Lê Thanh T (người sống như vợ chồng với Tr) điều khiển xe mô tô biển số 65H4-4652 chở Tr đến. Đ yêu cầu Tr, T chạy xe của ông Nh về phòng trọ của Tr nhưng ông Nh không đồng ý mà đề nghị chở về nhà ông Nh tại Long An. Sau đó, ông Nh chở T bằng xe mô tô của mình, còn Tr điều khiển xe mô tô biển số 65H4-4652 chạy theo. Khi đến cầu Bình Điền thuộc Quốc lộ 1A thì T kêu ông Nh quay về nhà trọ của Tr và T tại địa chỉ 1457 đường Ng, ấp 1, xã T, huyện B để chờ Đ về giải quyết. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì ông Nh, Tuấn, Tr về đến nhà trọ, tại đây T kêu ông Nh dựng xe trên lối đi của khu nhà trọ (cách phòng trọ của Tr, T khoảng 4,5m) còn ông Nh ngồi cạnh xe máy chờ Đ về giải quyết. Lúc này, T sang phòng trọ kế bên nhậu một lúc rồi về phòng trọ, còn Tr thì ở trong phòng trọ.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Đ đến phòng trọ của Tr và T, yêu cầu ông Nh vào phòng trọ để nói chuyện. Tại đây, Đ tiếp tục yêu cầu ông Nh trả tiền, ông Nh đồng ý, nhưng yêu cầu Đ cho thời gian 03 ngày để trả hoặc nhờ Công an giải quyết. Đ không đồng ý và lấy của ông Nh 01 giấy cầm đồ, 01 bản photo Chứng minh nhân dân, tiếp tục yêu cầu giữ xe của ông Nh, ông Nh không đồng ý. Đ đi ra lấy xe mô tô của ông Nh, ông Nh đi theo sau. Tại đây, cả hai tiếp tục nói chuyện cự cãi lớn tiếng, ông Nh đứng bên trái xe, tay trái nắm tay lái xe, tay phải nắm tay cầm phía sau yên xe, còn Đ đứng đối diện, tay trái cầm yên xe của ông Nh để giằng co xe với ông Nh, lúc này Đ dùng tay phải đánh 01 cái vào bụng của ông Nh làm ông Nh khụy chân xuống nhưng vẫn dùng tay giữ xe lại. Đ tiếp tục tháo nón bảo hiểm đang đội, đánh vào đầu ông Nh, đồng thời dùng lời nói đe dọa làm ông Nh sợ và buông tay ra khỏi xe. Sau đó, Đ đi lại trước phòng trọ, kêu Tuấn ra lấy xe

của ông Nh chạy về nhà trọ tại quận Bình Tân. Nghe theo lời Đ, Tuấn đi lại vị trí xe của ông Nh và dẫn xe của ông Nh vào phía trong rồi quay đầu xe của Nhiên ra ngoài và ngồi lên xe của ông Nh thì bị ông Nh kéo lại nên Tuấn nói ông Nh “Né ra đi rồi tôi đưa xe ông về”, làm cho ông Nh tưởng thật nên buông xe ra, còn Đ thì nói “Mày cứ chạy xe, tao không biết chạy xe, mày chạy về nhà trọ bỏ cho tao” nên Tuấn đề máy tăng ga chạy xe của ông Nh về nhà trọ ở quận Bình Tân cho Đ. Còn ông Nh được Trang cho 50.000 đồng để đi xe ôm về nhà. Đến ngày 24/12/2019, ông Nh đến Công an xã T, huyện B trình báo vụ việc. Công an xã T lập biên bản tiếp nhận nguồn tin và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Nguyễn Thị Đ và Lê Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, lời khai của các bị can phù hợp lời khai bị hại, nhân chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1427/KLHĐĐGTTHS-TCKH ngày 25/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B xác định: 01 xe máy biển số 52M5-4944 có giá là 1.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định thương tích số 268/TgT ngày 06/4/2020 của Trung tâm Pháp y thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của ông Trần Hoàng Nh như sau: *Chấn thương phần mềm vùng ngực trái đã được điều trị, hiện không còn dấu vết thương tích, tình trạng ổn định; Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên hiện tại là 00 %.*

Tại bản cáo trạng số 174/CT-VKS ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Đ và Lê Thanh T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với Nguyễn Thị Thuỳ Tr do không biết Đ có lời nói yêu cầu bị hại và có hành vi dùng tay và nón đánh bị hại nhằm mục đích chiếm giữ trái phép xe của bị hại, Tr cũng không có hành vi hay lời nói giúp sức cho Đ và Tuấn để chiếm giữ trái phép xe của bị hại nên hành vi của Tr không cấu thành tội “Cướp tài sản” với vai trò đồng phạm và cũng không cấu thành tội “Che giấu tội phạm” và “Không tố giác tội phạm”.

Đối với hành vi của Đ, Tuấn, Trang đưa ông Nh về nhà trọ để giải quyết việc thiếu nợ, là do ông Nh tự nguyện, không có sự ép buộc và khống chế. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý về việc bắt, giữ người trái pháp luật của Đ, T và Tr.

Đối với hành vi của Đ lấy chiếc điện thoại di động hiệu Sony Xperia của ông Nh, do Đ không sử dụng vũ lực và sau đó, Đ đã chủ động trả lại điện thoại này cho ông Nh nên Cơ quan điều tra không xử lý Đ về hành vi này.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 07 năm đến 08 năm tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 04 năm đến 05 năm tù;

- Vật chứng thu giữ:

+ Đề nghị ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại 01 xe máy loại Dream, biển số 52M5-4944, SK: không rõ, SM: 0050226, thu giữ của bị hại;

+ Đề nghị trả cho bị cáo Lê Thanh T 01 xe mô tô loại Dream, biển số 65H4-4652, SK: 047991, SM: 047991;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 khúc cây dài 150cm; 01 cái nón bảo hiểm màu trắng (thu giữ của bị cáo Đ).

- Về dân sự: đề nghị xem xét yêu cầu của bị hại về việc đòi các bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng là tiền bồi thường sức khỏe và tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Đ thừa nhận diễn biến nội dung vụ việc như cáo trạng đã truy tố nhưng bị cáo xác định hành vi của bị cáo không phạm tội cướp tài sản như cáo trạng truy tố và yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bị cáo, đương sự và được thẩm vấn tại phiên tòa có căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Thị Đ và bị hại ông Trần Hoàng Nh có quan hệ quen biết với nhau từ trước. Ngày 22/12/2019 bị cáo Nguyễn Thị Đ gặp ông Nh tại ngã tư đường Kinh Dương Vương với đường Hồ Học Lãm thuộc phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, bị cáo Đ cho rằng ông Nh còn nợ tiền của bị cáo chưa trả nên bị cáo Đ có hành vi muốn chiếm giữ xe mô tô biển số 52M5-4944 mà ông Nh đang điều khiển để cản trừ nợ nhưng bị hại không thừa nhận có việc nợ tiền và không đồng ý giao xe nên giữa bị cáo Đ với ông Nh có sự giằng co chiếc xe qua lại dẫn đến việc bị cáo không thực hiện được hành vi chiếm giữ xe của bị hại. Tiếp sau đó, bị cáo Nguyễn Thị Đ điện thoại cho Nguyễn Thị Thùy Tr, Lê Thanh T đến để hỗ trợ đưa xe và bị hại về nơi ở của Tr và T tại địa chỉ 1457 đường Nguyễn Cửu Phú, ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, bị cáo Nguyễn Thị Đ có hành vi đe dọa dùng vũ lực, dùng vũ lực và sử dụng hung khí là nón bảo hiểm tấn công để chiếm đoạt trái phép tài sản là xe mô tô biển số 52M5-4944 của bị hại ông

Trần Hoàng Nh và giao xe chiếm đoạt cho bị cáo Lê Thanh T điều khiển mang đi cất giấu tại nhà trọ của bị cáo Đ thuộc quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B thì tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô biển số 52M5-4944 có giá là 1.500.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Đ đã cấu thành tội cướp tài sản theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2.1] Đối với bị cáo Lê Thanh T tuy không thỏa thuận, bàn bạc với bị cáo Nguyễn Thị Đ về việc cướp tài sản của bị hại nhưng khi bị cáo Đ điện thoại cho bị cáo Tuấn và bà Trang yêu cầu đến tại ngã tư đường Kinh Dương Vương với đường Hồ Học Lãm thuộc phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để lấy xe của bị hại thì bị cáo Lê Thanh T biết rõ việc bị cáo Đ muốn chiếm giữ trái phép xe mô tô của bị hại và sau đó bị cáo Lê Thanh T đã thực hiện một chuỗi hành vi giúp sức tích cực cho bị cáo Đ chiếm đoạt tài sản của bị hại. Cụ thể: bị cáo Lê Thanh T là người điều khiển và ngồi sau xe của bị hại để đưa bị hại cùng xe mô tô của bị hại về nhà trọ của bị cáo T rồi tiếp tục canh giữ bị hại tại đây. Tiếp sau đó bị cáo Tuấn biết rõ việc bị cáo Đ dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, sử dụng hung khí (nón bảo hiểm, cây gỗ) tấn công bị hại để chiếm đoạt xe của bị hại và bị cáo Lê Thanh T đã thực hiện theo yêu cầu của bị cáo Đ giúp sức tích cực cho bị cáo Đ lấy xe mô tô của bị hại chạy khỏi hiện trường và mang đi cất giấu. Do đó, với chuỗi hành vi như trên có đủ căn cứ xác định bị cáo Lê Thanh T đã đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị Đ về tội cướp tài sản của bị hại Trần Hoàng Nh đối phần tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô biển số 52M5-4944. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Thanh T về tội danh như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định ngày 22/12/2019 khi bị cáo Nguyễn Thị Đ gặp ông Nh tại ngã tư đường Kinh Dương Vương với đường Hồ Học Lãm thuộc phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bị hại trình bày thì sau khi đe dọa và lôi kéo nhằm mục đích lấy tài sản của bị hại thì bị cáo Nguyễn Thị Đ có hành vi chiếm giữ trái phép của bị hại Trần Hoàng Nhien 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia đến khi các bị cáo thực hiện xong hành vi cướp xe mô tô của bị hại như đã nêu trên thì bị cáo Đ mới trả lại chiếc điện thoại cho ông Nh. Xét thấy, hành vi chiếm giữ trái phép chiếc điện thoại của bị hại xảy ra tại địa bàn thuộc quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và có dấu hiệu tội phạm nên Tòa án nhiều lần trả hồ sơ cho Viện kiểm sát và cơ quan điều tra để điều tra xác minh xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi chiếm giữ trái phép chiếc điện thoại của bị hại Nh. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo Đ về việc chiếm đoạt trái phép chiếc điện thoại của ông Nh chưa được khởi tố điều tra theo thẩm quyền (Cơ quan điều tra không định giá xác định tài sản bị chiếm giữ, chưa điều tra làm rõ có hay có không hành vi đe dọa hoặc dùng vũ lực để chiếm giữ trái phép tài sản của bị hại, chưa làm rõ động cơ mục đích của Đ khi chiếm đoạt trái phép chiếc điện thoại của bị hại, sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại bị cáo mang đi đâu trong khoảng thời gian chiếm giữ (khoảng thời gian chiếm giữ từ 8 giờ sáng đến hơn 15 giờ cùng ngày mới trả lại cho bị hại), lý do trả lại điện thoại...). Do đó, để tránh bỏ lọt tội phạm Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh điều tra và xử lý theo thẩm quyền đối hành vi của bị cáo Đ về việc chiếm đoạt trái phép 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia của ông Trần Hoàng Nh.

[2.3] Đối với Nguyễn Thị Thuỳ Tr: quá trình điều tra và thẩm vấn tại phiên tòa có căn cứ xác định sau khi bà Tr nhận điện thoại của bị cáo Đ thì Tr có đến ngã tư đường Kinh Dương Vương với đường Hồ Học Lãm thuộc phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để gặp bị cáo Đ và bị hại Nh. Đồng thời trong khoảng thời gian các bị cáo Đ, T thực hiện hành vi tài sản của bị hại nhiều lúc có mặt của bà Tr nhưng quá trình điều tra chưa đủ căn cứ xác định bà Tr có tham gia thực hiện cũng như giúp sức cho các bị cáo khác trong việc cướp tài sản của ông Nh nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, các bị cáo biết việc cướp tài sản hợp pháp của người khác là trái với quy định của pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Lê Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” được quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017). Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo sử dụng nón bảo hiểm, cây gỗ làm phương tiện phạm tội là thuộc trường hợp sử dụng phương tiện nguy hiểm. Đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như Cáo trạng là có căn cứ phù hợp pháp luật. Từ những căn cứ và phân tích trên xét thấy việc bị cáo Nguyễn Thị Đ yêu cầu Hội đồng xét xử xác định bị cáo Nguyễn Thị Đ không phạm tội Cướp tài sản là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017) giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho bị cáo Tuấn. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Đ, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa khai báo quanh co, chưa thể hiện sự ăn năn hối cải, không thừa nhận hành vi phạm tội như phân tích nêu trên nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

[6] Trong vụ án này các bị cáo phạm tội có đồng phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và vai trò của từng bị cáo. Trong đó, bị cáo Nguyễn Thị Đ là người khởi xướng, chỉ đạo bị cáo Lê Thanh T phạm tội và là người thực hành tích cực. Bị cáo Tuấn đồng phạm giúp sức tích cực trong việc phạm tội, là người thực hành trực tiếp lấy xe của bị hại chạy khỏi hiện trường mang đi cất giấu (nếu không có bị cáo Tuấn thì bị cáo Đ không lấy được xe của bị hại vì bị cáo Đep không biết lái xe mô tô) nhưng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi và vai trò của bị cáo Tuấn thấp hơn bị cáo Đ.

[7] Về vật chứng bị thu giữ gồm:

[7.1] Đối với 01 xe mô tô loại Dream, biển số 52M5-4944, SK: không rõ, SM: 0050226 thu giữ của bị hại Nh. Cơ quan điều tra đã làm rõ đây là tài sản hợp pháp của bị hại và đã trả lại cho bị hại là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.2] Đối với xe mô tô biển số 65H4-4652 (số khung: 047991, số máy: 047991) thu giữ của bị cáo Lê Thanh T. Cơ quan điều tra xác minh xe này do ông Trần Văn L, địa chỉ ấp Th, huyện C, Thành phố Cần Thơ đứng tên chủ sở hữu và ông L hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo tìm ông L nhưng chưa có kết quả. Bị cáo T khai xe này bị cáo mua để sử dụng nhưng không có giấy tờ chứng minh. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao xe mô tô biển số 65H4-4652 (số khung: 047991, số máy: 047991) cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để tiến hành các thủ tục tìm chủ sở hữu tài sản và xử lý theo quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7.3] Đối với 01 khúc cây dài 150cm; 01 cái nón bảo hiểm màu trắng (thu giữ của bị cáo Đ). Các vật chứng này các bị cáo sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội hoặc vật chứng có liên quan tội phạm nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[8] Về dân sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị hại ông Trần Hoàng Nh yêu cầu các bị cáo bồi thường 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng là tiền bồi thường tổn hại sức khỏe và tổn thất tinh thần. Tuy nhiên, ông Nh không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho yêu cầu đòi bồi thường nên Hội đồng xét xử không đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường về tổn hại sức khỏe theo yêu cầu của bị hại. Đối với yêu cầu đòi tiền tổn thất tinh thần của bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Đ, bị hại ông Trần Hoàng Nh đều thừa nhận khi thực hiện hành vi cướp tài sản bị cáo Nguyễn Thị Đ có dùng vũ lực tấn công gây tổn hại đến sức khỏe của bị hại nhưng căn cứ kết quả giám định thì tỷ lệ thương tật bị hại do Chấn thương phần mềm vùng ngực trái đã được điều trị, hiện không còn dấu vết thương tích, tình trạng ổn định; Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên hiện tại là 00 %. Như vậy, hành vi của bị cáo Đ cũng ít nhiều gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của bị hại nhưng bị hại không chứng minh cụ thể số tiền thiệt hại về tổn thương sức khỏe như phân tích trên. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ (là người trực tiếp tấn công bị hại) bồi thường số tiền tổn thất tinh thần cho bị hại số tiền tương ứng với 02 lần mức lương cơ sở do nhà nước quy định (mức lương cơ sở hiện tại là 1.490.000 đồng) là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Lê Thanh T phạm tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/10/2020.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

* Căn cứ Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

* Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* Về dân sự: Căn cứ Điều 357, Điều 584, 590 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trần Hoàng Nhiên số tiền 2.980.000 (Hai triệu chín trăm tám mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án bị cáo Nguyễn Thị Đ chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc bồi thường được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về vật chứng:

+ Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện B 01 (một) xe mô tô biển số 65H4-4652 (số khung: 047991, số máy: 047991) để tiến hành các thủ tục tìm chủ sở hữu tài sản và xử lý theo quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 khúc cây dài 150cm; 01 cái nón bảo hiểm màu trắng.

(Tất cả vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/02/2021 giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hồ Chí Minh).

- Về án phí: Mỗi bị cáo chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Nguyễn Thị Đ còn phải chịu thêm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo, đương sự, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự, bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh.
- Công an H. Bình Chánh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- THA dân sự H.Bình Chánh;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- Bị cáo, đương sự, bị hại;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Dũng